TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 29 tháng 6 năm 2023

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường. Xung đột ở Ukraine, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; chính sách tiền tệ thắt chặt, lạm phát ở mức cao, tăng lãi suất kéo dài dẫn đến suy giảm tăng trưởng, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước, đối tác lớn của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Trong nước, các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức gia tăng; các chuỗi cung ứng bị đứt gãy; thu hút FDI bị ảnh hưởng do đầu tư toàn cầu sụt giảm; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh; thiếu hụt nguồn cung đầu vào, chi phí sản xuất tăng cao; đơn hàng sụt giảm dẫn tới sản xuất và xuất khẩu gặp nhiều khó khăn. Song bên cạnh đó là một số điểm sáng tích cực khi dịch bệnh đã được kiểm soát tốt; Chính phủ tiếp tục ban hành nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; giải ngân đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh; hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch đang trên đà hồi phục là những động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

Nhận định được những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, trong 6 tháng đầu năm 2023, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Với sự chỉ đạo tập trung của Tỉnh ủy, sự điều hành sâu sát, quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực cố gắng của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản giữ được ổn định và phát triển. Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội được triển khai kịp thời, thiết thực, đúng đối tượng. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống Nhân dân ổn định. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trong tỉnh *(GRDP)* 6 tháng đầu năm 2023 (theo giá so sánh 2010) tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp, xây dựng vẫn giữ vai trò chủ đạo, 6 tháng ước đạt 14.079,5 tỷ đồng, tăng 7,26% so với cùng kỳ (đóng góp 71,3% vào mức tăng chung), riêng khu vực công nghiệp ước đạt 12.178,3 tỷ đồng, tăng 7,69% so với cùng kỳ (đóng góp 65,1%); Khu vực dịch vụ ước đạt 5.321 tỷ đồng, tăng 7,48% so cùng kỳ (đóng góp 27,7%); Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ước đạt 2.103,1 tỷ đồng, tăng 0,4% so cùng kỳ (đóng góp 0,6%); Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 1.296,9 tỷ đồng, tăng 0,4% so cùng kỳ (đóng góp 0,3% vào mức tăng chung).

Về cơ cấu kinh tế 6 tháng đầu năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 8,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 62,5%; khu vực dịch vụ chiếm 23,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,6%.

Về tốc độ tăng trưởng GRDP trong 6 tháng đầu năm 2023 so với các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Hồng và so với các tỉnh trong cả nước, tỉnh Hà Nam đạt mức tăng trưởng đứng thứ 8 trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng và đứng thứ 29 toàn quốc.

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng GRDP các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Hồng 6 tháng đầu năm 2023 (%)

Đánh giá kết quả tăng trưởng GRDP của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023, trong 15 ngành kinh tế cấp 2 chiếm tỷ trọng lớn nhất: Có 8/15 ngành có giá trị tăng thêm (VA) tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm trước; 6/15 ngành có mức tăng VA cao hơn so với cùng kỳ năm trước và 1/15 ngành có VA giảm so với cùng kỳ năm trước.

Hình 3: Tốc độ tăng trưởng GRDP của 63 tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023 (%)

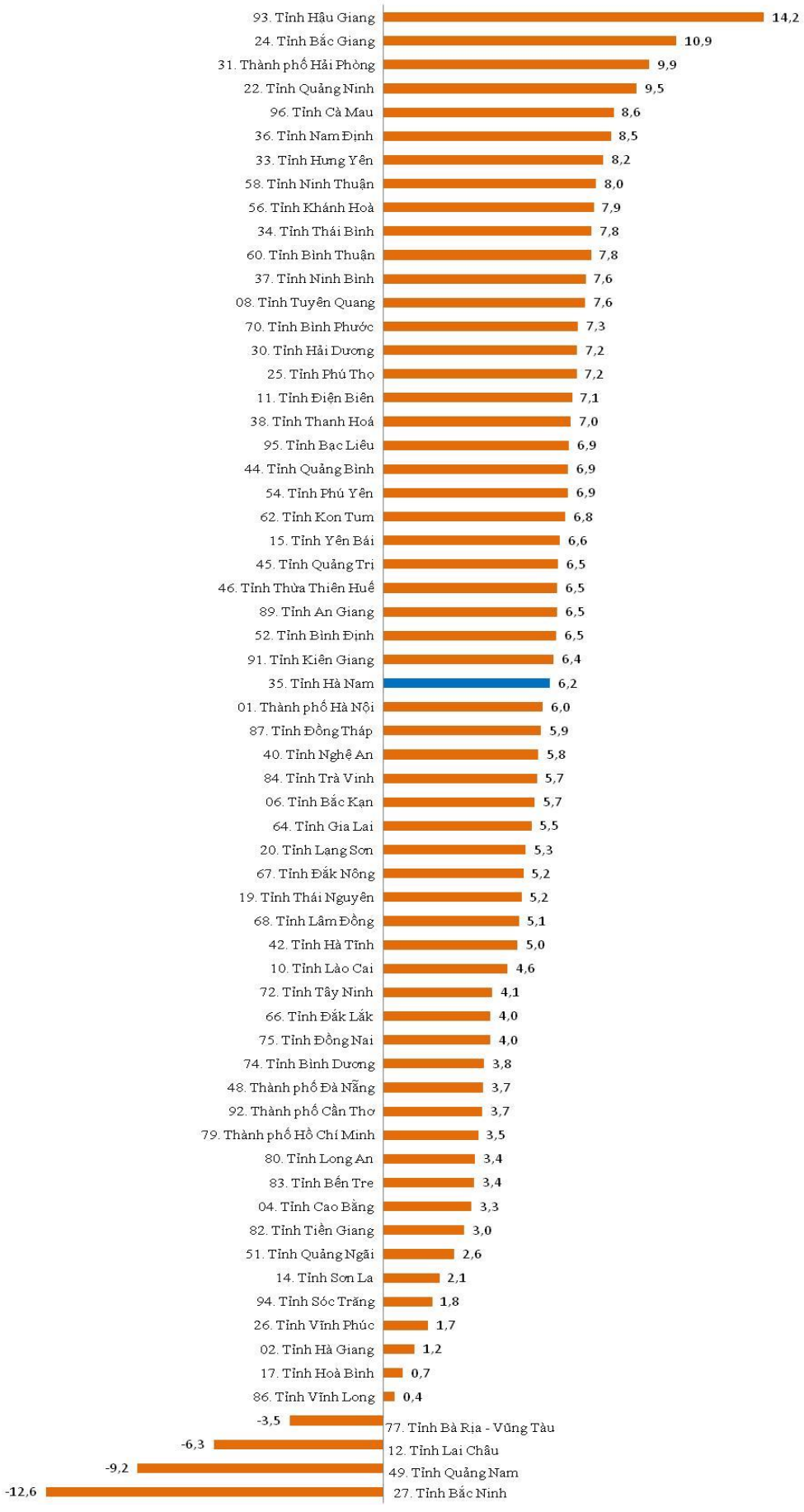

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục duy trì ổn định và tăng trưởng.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá SS 2010) 6 tháng ước đạt 4.658,2 tỷ đồng, tăng 0,33% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 4.220,8 tỷ đồng, tăng 0,19%; lâm nghiệp ước đạt 8,8 tỷ đồng, tăng 3,38%; thủy sản ước đạt 428,6 tỷ đồng, tăng 1,71%.

a. Nông nghiệp

Diện tích gieo trồng vụ đông xuân năm 2023 toàn tỉnh đạt 42.097,7 ha, giảm 2,8% (-1.213,4 ha) so với vụ đông xuân năm 2022[1]. Trong đó, diện tích lúa xuân là 28.688,9 ha, giảm 1,8% (-532,1 ha); ngô 3.720,4 ha, giảm 3,3% (-126,8 ha); rau các loại 6.829,4 ha, giảm 6,4% (-464,2 ha)...

Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu vụ Đông xuân 2023: Lúa năng suất đạt 67,2 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha, sản lượng đạt 192,7 nghìn tấn, giảm 1,0% (-1,9 nghìn tấn); ngô năng suất đạt 57,5 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha, sản lượng đạt 21,4 nghìn tấn, giảm 2,8% (-612 tấn); rau các loại đạt 192,3 tạ/ha, tăng 2,4 tạ/ha, sản lượng đạt 131,3 nghìn tấn, giảm 5,2% (-7,2 nghìn tấn)...

Tổng diện tích ước tính cây lâu năm 6 tháng đầu năm 2023 là 6.839,2 ha, tăng 118,2 ha (+1,8%) so với năm 2022. Hiện nay, các mô hình trồng cây ăn quả tập trung dần tăng lên và tiếp cận thêm một số giống quả từ miền Nam như: nho, quả bơ, thanh long, vú sữa..., diện tích cây ăn quả 6 tháng ước đạt 6.405,4 ha, tăng 123,9 ha (+2,0%) so cùng kỳ.

Sản lượng một số cây ăn quả chủ yếu tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước, như: xoài 475,2 tấn, tăng 3,1%; chuối 12.283,6 tấn, tăng 5,0%; ổi 202,8 tấn, tăng 6,4%; bưởi 1.090,9 tấn, tăng 8,7%...

Ước tính đến thời điểm 30/6/2023, đàn lợn đạt 379,6 nghìn con, tăng 2,1%; đàn gia cầm ước đạt 8,8 triệu con, giảm 1,0%; đàn trâu 3,7 nghìn con, tăng 0,5%; đàn bò 33,5 nghìn con, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Ước tính sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm 6 tháng đầu năm 2023 đạt 51.625,5 tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó: thịt lợn hơi đạt 37.285 tấn, tăng 1,0% so cùng kỳ; thịt gia cầm hơi đạt 12.221,7 tấn, tăng 2,1%; thịt trâu 86 tấn, tăng 1,2%; thịt bò hơi 1.197 tấn, tăng 3,8%.

Chăn nuôi bò sữa tập trung và phát triển mạnh ở một số xã như Mộc Bắc, Trác Văn, Chuyên Ngoại, Yên Nam (thị xã Duy Tiên) với 05 khu nuôi tập trung được quy hoạch trên diện tích 70,9 ha. Ước tính đến ngày 30/6/2023 toàn tỉnh có 4.630 con bò sữa, tăng 2,4% so cùng kỳ năm 2022, sản lượng sữa tươi 6

[1] Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân giảm là do chuyển sang xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông, chuyển đổi mục đích canh tác sang trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản.

tháng đầu năm ước đạt gần 6 nghìn tấn, tăng 8,2% so với cùng kỳ.

b. Lâm nghiệp

Sáu tháng đầu năm 2023, các dự án trồng rừng và trồng cây phân tán, cây nhân dân được thực hiện theo đúng kế hoạch từ đầu năm. Theo báo cáo của ngành nông nghiệp, kết quả thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, đến ngày 15/6/2023 số cây xanh phân tán đã trồng được là 733.360 cây đạt 71,2% so với kế hoạch năm 2023. Kết quả phát triển rừng, tính đến ngày 15/6/2023 tổng diện tích đăng ký trồng rừng lại sau khai thác là 15 ha.

Ước tính sản lượng lâm nghiệp 6 tháng đầu năm 2023, gỗ khai thác ước đạt 1.114,3 m^3, giảm 0,2%, sản lượng củi khai thác ước đạt 165,3 ster, giảm 3,1%... so với cùng kỳ năm 2022.

c. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 13.113,9 tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: sản lượng thủy sản nuôi trồng là 12.897,9 tấn, chiếm 98,4% tổng sản lượng, tăng 0,5%; sản lượng thủy sản khai thác 216 tấn, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước.

3. Sản xuất công nghiệp đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức song vẫn giữ được đà tăng trưởng so với cùng kỳ.

Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh không ngoài tầm ảnh hưởng khó khăn chung của ngành sản xuất công nghiệp trong nước. Những tác động bởi chi phí đầu vào tăng cao, đơn hàng sụt giảm đã tạo sức ép khiến nhiều doanh nghiệp phải chủ động giảm mức sản xuất, đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu.

Từ đầu tháng 5/2023 trở lại đây, một số ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh đã có những dấu hiệu khởi sắc trở lại, tuy nhiên, hầu hết các ngành vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốc độ phục hồi chậm, chi phí nguyên vật liệu, chi phí sản xuất, logistics, lãi vay… đang giảm nhưng còn ở mức cao, trong khi nhu cầu hay đầu ra của sản phẩm vẫn bị thu hẹp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, với các mặt hàng chủ lực.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 ước tính tăng 7,69% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 4,47%, quý II tăng 11,2%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,49% (quý I tăng 3,93%, quý II tăng 11,41%), đóng góp 3,92 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 12,46%, đóng góp 0,34 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,57%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành sản xuất và

phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 3,37%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm trong tổng mức tăng chung.

Sáu tháng đầu năm, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tăng 11,45% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 9,4%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 11,72%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 2,25%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,88%.

Có 17/26 ngành cấp II có chỉ số sản xuất tăng so với cùng kỳ năm 2022, trong đó một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất tăng cao như: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (+19,88%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (+17,49%); sản xuất thiết bị điện (+16,99%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+11,3%); sản xuất chế biến thực phẩm (+10,56%).

Có 9/26 ngành cấp II có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong đó một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất giảm mạnh như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-17,78%); dệt (-15,75%); sản xuất trang phục (-9,57%).

Lũy kế 6 tháng đầu năm, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Dây điện các loại (+19,1%); linh kiện điện tử (+18,8%); xi măng và clanke (+14,8%); đá khai thác (+9,4%); thức ăn chăn nuôi (+8,6%); xe gắn máy (+8%); sữa các loại (+7%). Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm có sản lượng giảm so với cùng kỳ năm trước như: Bia các loại (-43,3%); Đồ chơi trẻ em (-22,4%); vải các loại (-14,3%); quần áo may sẵn (-8,1%).

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam, tính từ đầu năm đến thời điểm ngày 15/6/2023, cả tỉnh có 358 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký đạt 3.328,7 tỷ đồng, giảm 10,5% về số doanh nghiệp và giảm 49,63% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 475 doanh nghiệp thông báo tạm ngừng, tăng 72,1% so với cùng kỳ năm trước và 28 doanh nghiệp giải thể, phá sản, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước.

5. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm duy trì mức tăng khá, giải ngân đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh.

Tính chung 6 tháng đầu năm, vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 19.325,4 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, bằng 45,4% kế hoạch năm. Trong đó: vốn nhà nước đạt 2.409,7 tỷ đồng tăng 7,1% so với cùng kỳ, chiếm 12,5% tổng vốn; vốn ngoài nhà nước đạt 11.833,9 tỷ đồng, tăng 3,6%, chiếm 61,2%; vốn đầu trực tiếp nước ngoài đạt 5.081,8 tỷ đồng, tăng 13,7%, chiếm 26,3%.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý 6 tháng ước đạt 2.059,3 tỷ đồng, tăng 13,5% so cùng kỳ năm 2022, bằng 47,1% kế hoạch. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh là 1.412,9 tỷ đồng, tăng 41,3%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện là 572,2 tỷ đồng, giảm 18%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã là 74,2 tỷ đồng, giảm 36,1% so với cùng kỳ năm 2022.

* *Tình hình thu hút đầu tư:* Từ ngày 01/01/2023 đến 31/5/2023, toàn tỉnh thu hút 13 dự án (bằng 59% so với cùng kỳ 2022) và thực hiện điều chỉnh vốn đầu tư 11 dự án với tổng vốn đăng ký mới và điều chỉnh tăng 112 triệu USD và 3.004,5 tỷ đồng.

+ Đối với dự án FDI: thực hiện cấp mới 07 dự án (bằng 87,5% so với cùng kỳ năm 2022) với tổng vốn đăng ký 97,8 triệu USD (bằng 178,6% so với cùng kỳ năm 2022); thực hiện điều chỉnh vốn đầu tư 08 dự án với số vốn tăng 14,3 triệu USD;

+ Đối với dự án trong nước: thực hiện cấp mới 06 dự án (bằng 49,2% so với cùng kỳ năm 2022) với tổng vốn đăng ký 2.955,9 tỷ đồng (bằng 47,9% so với cùng kỳ năm 2022); thực hiện điều chỉnh vốn đầu tư 03 dự án với số vốn tăng 48,6 tỷ đồng.

Lũy kế đến thời điểm 31/5/2023, toàn tỉnh có 1.131 dự án đầu tư còn hiệu lực; trong đó: 363 dự án FDI và 768 dự án trong nước với vốn đăng ký là 5.207,6 triệu USD và 167.414,7 tỷ đồng.

6. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Theo báo cáo của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam, tổng thu cân đối ngân sách địa phương 6 tháng ước đạt 6.685,0 tỷ đồng, giảm 2,5% so cùng kỳ, đạt 49,7% dự toán địa phương phấn đấu. Trong đó thu nội địa đạt 5.835 tỷ đồng, chiếm 87,3% thu cân đối, đạt 50,5% dự toán địa phương; thu thuế xuất, nhập khẩu đạt 850 tỷ đồng, bằng 44,7% dự toán địa phương.

Tổng chi cân đối Ngân sách địa phương 6 tháng ước thực hiện 5.554 tỷ đồng, tăng 16,5% so cùng kỳ, bằng 46% dự toán địa phương giao. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 1.823 tỷ đồng, bằng 41,7% dự toán địa phương; chi thường xuyên là 3.675,5 tỷ đồng, chiếm 66,2% chi cân đối, đạt 50% dự toán địa phương.

7. Kết quả hoạt động lĩnh vực ngân hàng, tín dụng

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Nam, huy động vốn của các tổ chức tín dụng ước thực hiện đến 30/6/2023 đạt 66,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6,24% so với thời điểm 31/12/2022; dư nợ tín dụng toàn tỉnh đạt 64,8 nghìn tỷ đồng, giảm 0,35% so với thời điểm 31/12/2022; tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ là 1,50%, tăng 0,46% so với thời điểm 31/12/2022.

8. Hoạt động thương mại, dịch vụ đang trên đà hồi phục và đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước.

Sáu tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 23.576,1 tỷ đồng, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 19.761 tỷ đồng, tăng 28,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 1.518,6 tỷ đồng, tăng 22,3%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 215,6 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 2.080,9 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ.

Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh thông suốt đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân và lưu chuyển hàng hóa. Sáu tháng đầu năm, vận tải hành khách ước đạt 3,5 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 39,1% so với cùng kỳ; luân chuyển hành khách ước đạt 250,4 triệu lượt HK.Km, tăng 38,8% so cùng kỳ năm 2022. Vận tải hàng hóa ước đạt 31,6 triệu tấn, tăng 73,2% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 1.408,2 triệu tấn.km, tăng 69,6% so cùng kỳ năm 2022.

Giá các mặt hàng tiêu dùng cơ bản được kiểm soát tốt, bình quân 6 tháng đầu năm 2023 chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,59% so với cùng kỳ năm 2022.

Chỉ số giá vàng và giá đô la Mỹ bình quân 6 tháng đầu năm 2023 biến động cùng chiều tăng, chỉ số giá vàng tăng 1,52%, giá đô la Mỹ tăng 2,68% so với cùng kỳ.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Tình hình lao động, việc làm

Ước tính lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc của tỉnh Hà Nam 6 tháng đầu năm 2023 là 475.235 người, trong đó: lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm tỷ lệ 18,3%; công nghiệp và xây dựng 51,6%; dịch vụ 30,1%.

Theo báo cáo của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, trong 6 tháng đầu năm 2023 toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 14.327 người (đạt 56,9% KH năm), trong đó lao động nữ là 6.989 người; XKLĐ là 617 người; giải quyết việc làm thêm 13.961 người. Cấp giấy phép cho 183 người lao động nước ngoài đang làm việc tại khu công nghiệp tỉnh (trong đó: cấp mới: 124 người, cấp lại: 11 người, gia hạn: 48 người), thu hồi 223 giấy phép lao động; tư vấn việc làm cho 14.177 người; giới thiệu việc làm cho 10.628 người.

2. Công tác đảm bảo an sinh xã hội và đời sống dân cư:

Trong 6 tháng đầu năm 2023, công tác chăm lo đảm bảo đời sống cho các đối tượng chính sách, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo và

cận nghèo… được thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác xóa đói giảm nghèo luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư của các cấp, các ngành, huy động được nhiều lực lượng xã hội tham gia đạt được kết quả tích cực. Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã mua và cấp 20.593 thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo và cận nghèo, đảm bảo 100% khẩu nghèo và cận nghèo đều được cấp thẻ Bảo hiểm y tế. Công tác giảm nghèo dự kiến đến hết tháng 6/2023. Tổng số hộ nghèo: 7.326 hộ (giảm 245 hộ so với năm 2022); tỷ lệ hộ nghèo: 2,60% (giảm 0,1% so với năm 2022); Tổng số hộ cận nghèo: 7.045 hộ (giảm 483 hộ so với năm 2022); tỷ lệ hộ cận nghèo: 2,50% (giảm 0,17% so với năm 2022).

- *Tình hình thu nhập:* Ước tính thu nhập bình quân đầu người/tháng trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 4.830,5 nghìn đồng, trong đó: khu vực thành thị đạt 5.690,3 nghìn đồng, khu vực nông thôn đạt 4.496,2 nghìn đồng.

3. Giáo dục, đào tạo

Trong 6 tháng đầu năm 2023, ngành Giáo dục - Đào tạo tỉnh Hà Nam đã làm tốt công tác giáo dục và đào tạo, thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Chỉ thị Nghị quyết của tỉnh đề ra.

Đến nay, tổng số trường đạt chuẩn Quốc gia toàn tỉnh là 359/361 (đạt tỷ lệ 99,45%), cụ thể: mầm non 113/113 trường, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 83 trường đạt chuẩn mức 2; tiểu học có 114/114 trường, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 81 trường đạt chuẩn mức 2; THCS có 110/111 trường, đạt tỷ lệ 99,1% ,trong đó có 52 trường đạt chuẩn mức độ 2; THPT có 22/23 trường, đạt tỷ lệ 95,65%.

4. Y tế

Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được ngành Y tế triển khai một cách chủ động, tích cực và đạt hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn toàn tỉnh không sảy ra sai sót về chuyên môn, kỹ thuật trong khám chữa bệnh và điều trị.

Theo báo cáo của Trung tâm phòng chống bệnh tật tỉnh Hà Nam, 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh có 02 người mắc quai bị, có 103 ca mắc thủy đậu, cúm 1.930 ca, tiêu chảy 953 ca, có 19 ca bị sốt xuất huyết Dengue; số người nhiễm mới HIV phát hiện là 14 người, không có người chuyển thành AIDS, tử vong do AIDS 05 người.

CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM